

二年级下册第五单元词语过关单

班级_____ 姓名_____ 学号_____ 评价:_____

yīng gāi

jiǎo dù

rèn zhēn

chī jīng

tū rán

lì kè

wéi nán

mài zi

yuàn yì

bǎi fàng

zhēng qiǎng

tú huà

lǎo shi

jiǎng zhuō

zuò wèi

rán hòu

huà zhǐ

shén qíng

jiǎo dù

diū diào

zuān rù

quàn gào

wáng yáng bǔ láo

wǔ jiǎo xīng

jīn pí lì jìn

hā hā dà xiào

nán wéi qíng

日积月累

1. 微笑 嘲笑 傻笑 _____

2. 教诲 柔软 周围 _____

熟背《弟子规》并填一填。

冠必（ ），纽必（ ）。袜与履，俱紧（ ）。置冠服，有（ ），

勿（ ）顿，致污秽。唯德（ ），唯（ ），（ ），当自砺。

若（ ），若饮食，不如人，勿（ ）戚。